TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀ TRUNG
TỈNH THANH HÓA

Bản án số: 16/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 25-7-2018
V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HÓA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Hồng
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Cù Thị Chanh.
2. Ông Đoàn Thân.

Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Đức - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện VKSND huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa *tham gia phiên tòa*: Không.

Ngày 25 tháng 7 năm 2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 72/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2018 về "Tranh chấp hôn nhân gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Phan Thị L, sinh năm 1991.
Địa chỉ: Xóm 4, xã HL, huyện HT, tỉnh Thanh Hóa, có mặt.
2. *Bị đơn*: Anh Lại Thế N, sinh năm 1987.
Địa chỉ: Xóm 4, xã HL, huyện HT, tỉnh Thanh Hóa, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 16/4/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Phan Thị L trình bày: Giữa nguyên đơn và bị đơn là anh Lại Thế N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã HL, huyện HT, tỉnh Thanh Hóa ngày 10/01/2011. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc từ khi kết hôn đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên chửi mắng nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng vợ chồng không thể hàn gắn được, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lại Thế N.

Về con chung*:* Chị Phan Thị L khai, vợ chồng có hai con chung, các cháu tên là Lại Thị Phương L, sinh ngày 04/7/2011 và cháu Lại Thế T, sinh ngày 27/7/2013. Chị L đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu và yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị, mỗi cháu mỗi tháng là 500.000 đồng, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Chị Phan Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai ngày 12/6/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Lại Thế N trình bày: Anh và chị Phan Thị L tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HL, huyện HT ngày 10/01/2011. Cuộc sống vợ chồng thỉnh thoảng có lời qua tiếng lại nhưng không xảy ra mâu thuẫn trầm trọng. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không thành. Nay chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn, anh N hoàn toàn đồng ý.

Về con chung: Anh N khai anh và chị L có hai con chung với nhau, các cháu tên là Lại Thị Phương L, sinh ngày 04/7/2011 và cháu Lại Thế T, sinh ngày 27/7/2013. Anh N đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu và không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Hiện nay anh đang là nghề đá mỹ nghệ có thu nhập hàng tháng từ 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng nên đủ điều kiện nuôi con mà không cần chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị L thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Chị L đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L, anh N trực tiếp nuôi dưỡng cháu T, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh N giữ nguyên quan điểm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về hôn nhân: Chị Phan Thị L và anh Lại Thế N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, như vậy là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi chửi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không thể hàn gắn được tình cảm. Nay chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh N hoàn toàn đồng ý, cần công nhận sự thỏa thuận này của các đương sự.

[2]. Về con chung: Chị Phan Thị L và anh Lại Thế N thừa nhận vợ chồng có hai con chung, các cháu tên là Lại Thị Phương L, sinh ngày 04/7/2011 và cháu Lại Thế T, sinh ngày 27/7/2013. Như vậy, đủ cơ sở khẳng định cháu L và cháu T là con chung của chị L và anh N. Nguyện vọng nuôi con của anh chị là chính đáng. Tuy nhiên, cháu L có nguyện vọng được ở với mẹ, cháu T trên ba tuổi và cùng giới tính với bố. Vì vậy, giao cháu L cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu T cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng và không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp.

[3]. Về tài sản: Chị Phan Thị L và anh Lại Thế N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[4]. Về án phí: Chị Phan Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 55; Điều 81, 82, 83, 88 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6; khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phan Thị L và anh Lại Thế N.

2. Về con chung: Công nhận chị Phan Thị L và anh Lại Thế N có hai con chung, các cháu tên là Lại Thị Phương L, sinh ngày 04/7/2011 và cháu Lại Thế T, sinh ngày 27/7/2013. Giao cháu L cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu T cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị L, anh N có quyền đi lại, thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phan Thị L phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* chị L đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2017/0000209 ngày 17/5/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung. Chị L đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Chị L, anh N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Hà Trung;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Văn Hồng